

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Diệt và bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H, Thư ký Toà án.

- Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2024, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 77/2023/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 2001; (có mặt)

Đăng ký HKTT: Thôn Ng, xã M, huyện P, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Đức V, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ng, xã M, huyện P, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Đỗ Bảo Ch, sinh ngày 11/5/2021. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ng, xã M, huyện P, tỉnh H.

- Cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 08/3/2023. (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Ng, xã M, huyện P, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

Người đại diện hợp pháp của cháu Ch, cháu Ng: Anh Đỗ Đức V và chị Nguyễn Thu H - Là bố mẹ đẻ của các cháu.

4. Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

- Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ng, xã M, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thu H; biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Đỗ Đức V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 24/9/2020 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Quá trình chung sống, chị H trình bày, chị và anh V có nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng xảy ra va chạm, cãi nhau xung quanh việc trông nom chăm sóc con cái, trong việc quản lý kinh tế gia đình và việc ứng xử giữa chị H với mẹ chồng, giữa anh V với gia đình nhà vợ, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, anh V xúc phạm, đánh và đuổi chị đi; còn anh V thì trình bày mỗi lần vợ chồng xảy ra va chạm cãi nhau, chị H lại bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, lần gần đây nhất chị H bỏ về nhà bố mẹ để là cuối năm 2023, không quay về chung sống cùng anh V nữa. Chị H và anh V đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V, anh V có quan điểm xác định mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Chị H và anh V đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Đỗ Bảo Ch, sinh ngày 11/5/2021 và cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 08/3/2023. Hiện nay, cháu Bảo Ch đang ở với anh V, còn cháu Bảo Ng đang ở với chị H. Tại đơn khởi kiện chị H có quan điểm xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo Ch, còn để anh V nuôi dưỡng cháu Bảo Ng; quá trình lấy lời khai và tại phiên hoà giải chị H thay đổi quan điểm, ly hôn chị có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo Ng, còn để anh V chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo Ch; tại phiên toà chị H có quan điểm có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện nay chị đi làm công nhân may Công ty Tiên Hưng tại thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Còn anh V quá trình lấy lời khai có quan điểm xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo Ch, giao cháu Bảo Ng cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, tại phiên hoà giải ngày 05/02/2024 anh V thay đổi quan điểm, anh không có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà giao cả hai con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi cháu 1.500.000đ/tháng cho đến khi cả hai con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị H và anh V đều có chung quan điểm xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị T (là mẹ đẻ chị H) trình bày:

Chị H và anh V sau khi kết hôn chung sống với nhau chưa đến 01 năm thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, theo như chị H nói thì anh V hay gây sự, chửi, xúc phạm và đánh đập chị H. Khoảng tháng 02 năm 2022 vợ chồng chị H xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, bà có đến gia đình thông gia nói chuyện người lớn xin đón cháu H về nhà bà một thời gian, sau khoảng 01 tháng anh V và bố đẻ anh V đến xin đón chị H nhưng khi chị H về vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 10/2023 chị H không chịu đựng được nữa đã về nhà bà sinh sống từ đó cho đến nay, trong thời gian chị H sinh sống tại nhà bà, anh V có lần còn đến chửi, lăng mạ gia đình bà. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh V, gia đình bà rất mong muốn hai anh chị đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng anh V xúc phạm gia đình bà nên bà không muốn can thiệp vào cuộc sống của hai anh chị nữa, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo nguyện vọng của chị H, anh V. Chị H và anh V có 02 con chung là cháu Đỗ Bảo Ch, sinh năm 2021 và cháu Đỗ Bảo Ng, sinh năm 2023, giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H, nếu Tòa án giao con chung cho chị H nuôi dưỡng thì gia đình bà sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị H về chỗ ăn, chỗ ở và trông nom con cho chị H đi làm. Chị H và anh V không có công sức đóng góp gì cho gia đình bà, gia đình bà không có liên quan gì về vấn đề tài sản với vợ chồng chị H nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bà Ngô Thị Đ (là mẹ đẻ anh V) trình bày:

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh V về sống chung cùng gia đình bà, quá trình chung sống, hai anh chị hay xảy ra bất hòa, chị H hay giận dỗi và muốn anh V nhất nhất phải nghe theo, nếu chị H không hài lòng lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ và chị H giận dỗi cả với bà. Khi vợ chồng chị H xảy ra trục trặc, gia đình hai bên cũng động viên khuyên ngăn cả hai anh chị nhưng chị H vẫn bỏ anh V về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Tháng 8 năm 2023 âm lịch, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay không quay về chung sống cùng anh V nữa, giữa hai anh chị không còn liên lạc với nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh V, đây là chuyện riêng của hai anh chị để hai anh chị tự quyết định, gia đình bà không có ý kiến gì. Chị H và anh V có 02 con chung là cháu Đỗ Bảo Ch, sinh năm 2021, cháu Đỗ Bảo Ng, sinh năm 2023. Hiện cháu Bảo Ch đang ở với anh V, còn cháu Bảo Ng ở với chị H từ tháng 01/2024 cho đến nay, trường hợp anh V, chị H ly hôn, anh V được giao cho nuôi con thì bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở cho bố con anh V, anh V làm nghề tự do, thu nhập hàng tháng như thế nào thì bà không nắm được, bố con anh V hiện ăn chung với bà, hàng tháng anh V đưa tiền cho bà chi tiêu sinh hoạt gia đình đầy đủ. Chị H và anh V không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình bà, gia đình bà không liên quan gì về vấn đề tài sản, công nợ với vợ chồng chị H nên gia đình bà không có yêu cầu, đề nghị gì.

UBND xã M cung cấp thông tin:

Chị H và anh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 24/9/2020 theo quy định của pháp luật; vợ chồng chị H, anh V có 02 con chung là cháu Đỗ Bảo Ch, sinh ngày 11/5/2021 và cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 08/3/2023. Theo nắm bắt tình hình tại địa phương, hiện nay chị H và anh V không chung sống cùng nhau, chị H về sinh sống tại xã Đ, còn anh V vẫn đang cư trú tại thôn Ng, xã M. Địa

phương chưa khi nào nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp tài sản, công nợ của vợ chồng chị H, anh V nên địa phương không nắm được vợ chồng chị H, anh V mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được. Chị H có đơn xin ly hôn anh V, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H khẳng định đến nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh V nên chị vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V; về con chung, chị H có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị và anh V không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Đức V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H, xử cho chị H được ly hôn với anh Đỗ Đức V. Về con chung: Giao cả hai cháu Đỗ Bảo Ch và cháu Đỗ Bảo Ng cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến cháu Bảo Ch, cháu Bảo Ng đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nhưng để đảm bảo quyền lợi cho trẻ em nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh V cấp dưỡng hàng tháng nuôi con chung cho chị H mỗi cháu 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; anh Đỗ Đức V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

* Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thu H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Đức V, anh V có nơi cư trú tại thôn Ng, xã M, huyện P, tỉnh Hưng

Yên. Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Đức V vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Đức V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Đỗ Đức V đăng ký kết hôn ngày 24/9/2020 tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V là hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh V bình thường được khoảng 01 năm đầu sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong việc trông nom chăm sóc con cái, trong việc quản lý kinh tế gia đình và việc ứng xử giữa chị H với mẹ chồng, giữa anh V với gia đình nhà vợ, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh V xúc phạm, đánh và đuổi chị H. Từ tháng 10/2023 cho đến nay chị H và anh V sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V; còn anh V có quan điểm mặc dù vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh không nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh V đã thực sự trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi lẽ, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, giúp đỡ nhau và chung sống cùng nhau nhưng từ tháng 10/2023 cho đến nay chị H và anh V sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn quan tâm và không còn trách nhiệm với nhau. Việc anh V trình bày, mặc dù vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh không nhất trí ly hôn, tuy nhiên anh V không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H, việc anh V không nhất trí ly hôn cũng chỉ là để gây khó khăn cho chị H. Do vậy, chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh V là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị H và anh V đều xác nhận, vợ chồng có 02 con chung là các cháu Đỗ Bảo Ch, sinh ngày 11/5/2021 và cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 08/3/2023. Hiện nay cháu Bảo Ch đang ở với anh V, còn cháu Bảo Ng đang ở với chị H. Ly hôn, tại phiên toà, chị H bày tỏ quan điểm có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh V quá trình Tòa án hoà giải có quan điểm không nhận nuôi dưỡng cháu nào mà giao cả hai cháu cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy: Chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và anh V cũng có quan điểm tại phiên hoà giải ngày 05/02/2024 nhất giao cả hai con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H chứng minh được nguồn thu nhập hàng tháng ổn định khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Mặt khác, các con chung của chị H, anh V đều còn nhỏ

tuổi, anh V thường xuyên đi làm ăn xa nhà, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con chung của chị H và anh V nên giao các cháu Đỗ Bảo Ch và cháu Đỗ Bảo Ng cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật. Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi các con chung, tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho các con chung của chị H và anh V khi ly hôn nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh V cấp dưỡng hàng tháng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu 1.500.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Đỗ Đức V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H, bị đơn anh Đỗ Đức V đều có chung quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; anh Đỗ Đức V phải chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H, xử cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Đỗ Đức V.

2. Về con chung: Giao các cháu Đỗ Bảo Ch, sinh ngày 11/5/2021 và cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 08/3/2023 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bảo Ch, cháu Bảo Ng đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Đức V cấp dưỡng hàng tháng nuôi các con chung cùng chị H mỗi cháu 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Đỗ Đức V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi thi hành án xong, nếu anh V không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Các bên đương sự tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/23/0000606 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Anh Đỗ Đức V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Mạnh Quyền